

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2019/HS-ST
Ngày: 30 - 5 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Đ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Châu Hùng;
2. Ông Lưu Huỳnh Quang Thắng.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Phát Huy, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2018, tại Hội trường Phường đội phường Châu Phú B, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang, Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc xét xử sơ thẩm lưu động công khai vụ án hình sự thụ lý số 28/2018/TLST-HS ngày 18 tháng 5 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Võ Thị Anh K, sinh ngày 23/9/1993, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 176, đường H, tổ J, khóm T, phường S, thành phố D, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Văn R và bà Võ Thị B, chồng tên Nguyễn Vũ Trường A, sinh năm 1985(đã ly hôn); con tên Võ Quốc B, sinh năm 2015;

Tiền án, tiền sự: không; nhân thân: chưa bị xử phạt vi phạm hành chính lần nào và không có án tích;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 16/10/2018 cho đến nay.

2. **Lê Bảo H, sinh ngày 27/6/2000**, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 06, khóm H, phường P, tH phố D, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn H1 và bà Nguyễn Thị Thúy Q, chưa có vợ, con;

Nhân thân: Bị cáo đang trong thời gian thử thách với hình phạt 01(một) năm 06(sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo về tội “Trộm cắp tài sản” tại bản

án số 63/2017/HS-ST ngày 26/12/2017 của tòa án nhân dân tH phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

Tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 16/10/2018 cho đến nay.

3. Đỗ Vũ S, sinh ngày 17/7/1997, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 19, khóm H, phường P, tH phố D, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn 11/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Văn L và bà Nguyễn Thị Tr, chưa có vợ, con;

Tiền án, tiền sự: không; nhân thân: chưa bị xử phạt vi phạm H chính lần nào và không có án tích;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 16/10/2017 cho đến nay.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Võ Văn R, sinh năm 1967, nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Tổ 05, khóm T, phường S, tH phố D, tỉnh An Giang.

- Ông Chu Hữu Đ, sinh năm 1999, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 19, khóm H, phường M, tH phố D, tỉnh An Giang.

- Ông Trần Văn L, sinh năm 1969, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp Q, xã T, huyện C, tH phố Cần Thơ.

- Ông Nguyễn Văn Ngọc S1, sinh năm 1981, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: số A, P, phường G, quận P, tH phố Hồ Chí Minh.

- Ông Nguyễn Minh H1, sinh năm 1972, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp C, thị xã T, tỉnh An Giang.

Người làm chứng:

- Ông Bùi Hoàng G, sinh năm 1996;

- Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1981;

- Ông Nguyễn Thiên Đ1, sinh năm 1993;

- Ông Bùi Văn Th, sinh năm 1975;

- Ông Phan Tấn L1, sinh năm 1991;

- Ông Nguyễn Văn Ng, sinh năm 1996;

- Ông Quách Bé T1, sinh năm 1990;

Người chứng kiến:

- Ông Đặng Văn Tấn Ph, sinh năm 1995;

Các bị cáo có mặt; người có quyền L1, nghĩ vụ liên quan ông Võ Văn R có mặt tại phiên tòa; những người làm chứng, chứng kiến ông(bà) G; T; Đ1; Th; L1; Ng; T1 và Ph vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ ngày 23 tháng 7 năm 2018, nhận được tin báo của quần chúng nhân dân, lực lượng Công an tH phố Châu Đốc phối hợp với Công an phường Vĩnh Mỹ, tH phố Châu Đốc, kiểm tra phòng trọ số 105 - nhà nghỉ “Khá Thuận” tại khóm Hòa Bình, phường Vĩnh Mỹ do Võ Thị Anh K; Lê Bảo H và Đỗ Vũ S thuê Ph hiện, lập biên bản quả tang thu giữ bọc nylon trong suốt, hàn kín, chứa chất tinh thể màu trắng và dụng cụ phân chia, sử dụng ma túy. K; H và S khai nhận là ma túy của K đưa cho S cất giấu để bán cho những người nghiện;

Vật chứng thu giữ gồm:

- Tại phòng trọ số 105, nhà nghỉ Khá Thuận: bọc nylon, trong suốt, hàn kín chứa chất rắn tinh thể màu trắng; chai nhựa nhãn hiệu Sting, nắp chai có 02 lỗ gắn ống thủy tinh và ống hút nhựa; túi sách màu vàng có 42 ống hút nhựa màu trắng; 02 cây kéo; cầu nhíp bằng K loại; chai gaz; 04 bật lửa; 11 ống thủy tinh; ống hút nhựa sọc trắng; số tiền 4.287.000đồng; điện thoại di động nhãn hiệu OPPO-R.1011; điện thoại di động, hiệu Samsung màu hồng; xe mô tô biển số 67E1 - 315-38;

- Của Lê Bảo H: điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone màu đen; số tiền 9.141.000đồng;

- Của Võ Thị Anh K: điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone màu đen; xe mô tô biển số 65S1-1656; xe mô tô biển số 59S1- 728-82; số tiền 91.990.000đồng;

Căn cứ kết luận giám định số 451/KLGT-PC54 ngày 15/8/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh An G, ghi nhận: Mẫu vật gửi đến giám định là ma túy loại Methamphetamine, có khối lượng 4,4551gam;

Ngày 05 tháng 10 năm 2019, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tH phố Châu Đốc Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị cáo đối với Võ Thị Anh K; Lê Bảo H và Đỗ Vũ S về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”

Quá trình điều tra, các bị cáo khai:

- Bị cáo Võ Thị Anh K khai nhận: Bắt đầu mua bán trái phép chất ma túy từ khoảng tháng 6 năm 2018, thường bán cho những người nghiện ở phường Núi Sam, đến khoảng tháng 7 năm 2018 thì Lê Bảo H và Đỗ Vũ S cùng tham gia bán ma túy. Khi, người nghiện điện thoại vào số điện thoại 094.2626094 và số 0944447007 để mua ma túy, thì bị cáo báo nhắn tin hoặc điện cung cấp số điện thoại người nghiện cho S và H để liên lạc đem ma túy đi giao, về đưa tiền lại cho bị cáo; Phòng trọ số 105 nhà nghỉ Khá Thuận do bị cáo thuê cùng ở với S và H, tiền thuê phòng do bị cáo trả và cho S và H sử dụng ma túy không phải trả tiền; Riêng đối với bị cáo H còn được cho 200.000đồng/ngày; Quá trình mua bán trái phép chất ma túy, bị cáo K thu nhập bất chính số tiền 33.000.000đồng,

- Đỗ Vũ S khai: Bọc ma túy mà công an thu giữ tại phòng số 105 nhà nghỉ Khá Thuận vào ngày 23/7/2018 là của Anh K đưa cất giữ, khi nào Anh K điện thoại đi giao ở đâu thì giao ở đó, bị cáo S đã giao ma túy cho nhiều người

nghiện như: G; Bé T1 bán vé số ở Bưu điện và nhiều người nghiện khác nhiều lần;

- Bị cáo Lê Bảo H khai: Khoảng tháng 7 năm 2018 đã giao ma túy của Võ Thị Anh K cho những người được 7, 8 lần với số tiền khoảng 1.700.000 (Một triệu bảy trăm ngàn) đồng; Ma túy do Công an thu giữ tại phòng số 105 nhà nghỉ Khá Thuận là của S, vì S có nhắn tin khi nào đi giao ma túy thì lấy đem bán; bị cáo K cho ở trọ, ăn và sử dụng ma túy không phải trả tiền; Ngoài ra còn được K trả 8.000.000 đồng tiền công;

Cáo trạng số 27/CT-VKSCĐ ngày 24/4/2019 của Viện Kiểm sát nhân dân tH phố Châu Đốc truy tố các bị cáo Võ Thị Anh K; Lê Bảo H và Đỗ Vũ S về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa,

- Bị cáo Đỗ Vũ S thú nhận đã bán ma túy như nội dung cáo trạng đã truy tố; Bị cáo không có ý kiến tranh luận. Trong lời nói sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

- Bị cáo Lê Bảo H khai nhận bắt đầu tham gia bán mua túy cho K từ khoảng giữa tháng 7 năm 2018 cho đến khi bị bắt; phương thức bán ma túy là khi người nghiện điện thoại cho Võ Thị Anh K thì Anh K nhắn tin đưa số điện thoại cùng số lượng ma túy cần bán cho bị cáo để đi giao cho người mua; Bị cáo H không có ý kiến tranh luận. Trong lời nói sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

- Bị cáo Võ Thị Anh K khai: Bọc ma túy bị bắt quả tang tại phòng số 105 nhà nghỉ Khá Thuận là của bị cáo mua của người đàn ông tên Hùng ở Sài Gòn (không biết họ, chữ lót và địa chỉ), sau đó đưa lại cho Đỗ Vũ S cất giấu, mục đích để bán lại cho người nghiện. Bản thân bị cáo đã bán ma túy từ khoảng tháng 6 năm 2018 cho đến khi bị bắt; bị cáo bán trực tiếp cho nhiều người nghiện ở phường Núi Sam; phường Châu Phú A, tH phố Châu Đốc, ngoài trực tiếp bán ma túy, bị cáo còn đưa ma túy nhờ bị cáo S, bị cáo H bán, sau đó đưa tiền cho bị cáo; Bị cáo K không có ý kiến tranh luận. Trong lời nói sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

- Người có quyền L1, nghĩa vụ liên quan: ông Võ Văn R khai việc mua bán ma túy của K, thì ông hoàn toàn không biết; yêu cầu được nhận lại xe mô tô và số tiền 80.000.000 (Tám mươi triệu đồng) mà ông nhờ K nộp vào tài khoản để sửa chữa lại nhà;

Chủ tọa phiên tòa công bố lời khai những người được tòa án triệu tập tham gia phiên tòa vắng mặt;

- Kiểm sát viên trình bày lời luận tội:

Xét lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của những người làm chứng - người trực tiếp mua ma túy của các bị cáo; phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang **cũng như vật chứng được thu giữ cùng**

các tài liệu, nguồn chứng cứ khác được cơ quan điều tra thu thập và được thẩm tra tại phiên tòa. Từ đó, có cơ sở xác định, các bị cáo đã nhiều lần có H vi mua bán ma túy trái phép cho những người nghiện nên giữ nguyên nội dung cáo trạng và quyết định truy tố đối với các bị cáo về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Xét về đồng phạm, đây là một vụ án có đồng phạm nhưng thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, các bị cáo đều là người thực H. Trong đó, bị cáo Võ Thị Anh K giữ vai trò chính, trực tiếp mua, bán và thu L1 từ việc thực hiện tội phạm.

H vi của các bị cáo đã xâm phạm chế độ độc quyền quản lý các chất ma túy của Nhà nước; gây ảnh hưởng đến trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Do đó, cần có mức hình phạt nghiêm đối với các bị cáo để đảm bảo tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung trong xã hội.

Tuy nhiên, trong quá trình lượng hình, đề nghị Hội đồng xét xử có xem xét đối với các bị cáo về sự tH khẩn khai báo, quá trình điều tra đã tự thú khai nhận đối với những lần mua bán ma túy trước đó; các bị cáo tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong quá trình giải quyết vụ án; các bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm r, s và t khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Về hình phạt, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 251, điểm r, s và t khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17 và Điều 58 Bộ luật Hình sự:

- Xử phạt bị cáo Võ Thị Anh K từ 08(tám) năm đến 09(chín) năm tù;
- Xử phạt bị cáo Lê Bảo H từ 07(bảy) năm 06(sáu) tháng tù đến 08(tám) năm tù; đồng thời áp dụng Điều 55, Điều 56 và khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt 01(một) năm 06(sáu) tháng tù tại bản án số 63/2017/HS-ST ngày 16/12/2017 của Tòa án nhân dân tH phổ Châu Đốc, để bị cáo chấp H hình phạt chung;
- Xử phạt bị cáo Đỗ Vũ S từ 07(bảy) năm đến 07(năm) 06(sáu) tháng tù;

Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo thuộc tH phần lao động nghèo, hoàn cảnh kinh tế khó khăn, chưa có nghề nghiệp ổn định, nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về áp dụng biện pháp T1 pháp:

Trong thời gian bị cáo Võ Thị Anh K mua bán ma túy, bị cáo khai nhận hưởng L1 được số tiền 33.000.000 đồng, cũng như bị Cáo H đã thu L1 được 8.000.000đồng, đề nghị buộc các bị cáo có trách nhiệm giao nộp lại số tiền đã thu L1 từ H vi phạm tội để sung quỹ Nhà nước.

Căn cứ vào Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tịch thu tiêu hủy số ma túy và các đồ vật dùng vào việc sử dụng ma túy của các bị cáo mà Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu giữ;
- Trả lại các xe mô tô cho những người có quyền L1, nghĩa vụ liên quan;
- Tịch thu sung ngân sách nhà nước số tiền 25.418.000 đồng;
- Trả lại số tiền 80.000.000 (Tám mươi triệu đồng) cho ông Võ Văn R;

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng:

H vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an nhân dân tH phố Châu Đốc; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân tH phố Châu Đốc; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự.

Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo, người chứng kiến, người làm chứng không có ý kiến khiếu nại nên về H vi, quyết định của cơ quan tiến H tố tụng, người tiến H tố tụng đã thực hiện.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng tại phiên tòa: Người có quyền L1, nghĩa vụ liên quan; người chứng kiến và người làm chứng vắng mặt; các bị cáo không có ý kiến về sự vắng mặt của họ. Xét, những người này đã có lời khai trong quá trình điều tra nên việc vắng mặt tại phiên tòa, không gây trở ngại cho việc xét xử. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến H xét xử vắng mặt người chứng kiến và những người làm chứng theo quy định tại Điều 292, Điều 293 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] H vi phạm tội:

Tại phiên tòa, một lần nữa các bị cáo thú nhận H vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố. Đối chiếu lời khai nhận tội của các bị cáo với lời khai của những người làm chứng (người nghiện ma túy - trực tiếp mua ma túy từ các bị cáo để sử dụng): Bùi Hoàng G; Nguyễn Văn T; Nguyễn Thiên Đ1; Bùi Văn Th; Phan Tấn L1; Nguyễn Văn Ng; Quách Bé T1 và những người chứng kiến vụ việc được cơ quan điều tra thu thập và thẩm tra tại phiên tòa là phù hợp nhau về

khoảng thời gian, địa điểm cũng như cách thức mua bán, loại ma túy và giá tiền mà các bị cáo đã bán;

Ngoài ra, diễn biến, nội dung của vụ án và H vi mà các bị cáo đã thực hiện còn phù hợp với các nguồn chứng cứ khác được cơ quan điều tra thu thập và thẩm tra tại phiên tòa như: Kết luận giám định số 451/KLGT-PC54 ngày 15/8/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh An G, ghi nhận: Mẫu vật gửi đến giám định là ma túy loại Methamphetamine, có khối lượng 4,4551gam; biên bản bắt người phạm tội quả tang; biên bản nhận dạng; vật chứng vụ án được thu giữ và các tài liệu, chứng cứ liên quan khác có trong hồ sơ vụ án;

Từ các căn cứ trên có cơ sở xác định, trong khoảng thời gian từ tháng 6/2018, bị cáo K, S và H đã nhiều lần có H vi mua và bán ma túy (Methamphetamin) cho nhiều người nghiện ma túy, trong đó có: Bùi Hoàng G; Nguyễn Văn T; Nguyễn Thiên Đ1; Bùi Văn Th; Phan Tân L1; Nguyễn Văn Ng và Quách Bé T1, các bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ H vi mua bán ma túy là vi phạm chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Vì vậy, H vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu tH tội “Mua bán trái phép chất ma túy” với tình tiết định khung cấu tH tăng nặng “phạm tội 02 lần trở lên; mua bán với 02 người trở lên” được quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017, có hiệu lực thi H ngày 01/01/2018 như đề nghị của Kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa.

Ma túy là chất gây nghiện, là nguyên nhân làm suy giảm sức khỏe, suy thoái nòi giống. Tệ nạn ma túy còn được xem là nguyên nhân đã làm biết bao gia đình đổ nát, đưa người nghiện vào con đường sa đọa, suy đồi đạo Đ, làm Ph sinh các tệ nạn xã hội, làm lan truyền đại dịch HIV/AIDS và còn là nguyên nhân làm Ph sinh nhiều loại tội phạm khác nên Nhà nước độc quyền quản lý, đồng thời nghiêm cấm các hoạt động sản xuất, tàng trữ, mua bán, vận chuyển, chiếm đoạt, sử dụng trái phép chất ma túy. H vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ xâm phạm đến trật tự quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy mà còn gây tác động xấu đến công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm về ma túy, làm ảnh hưởng đến trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Xét, cần có mức hình phạt nghiêm, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định, tạo điều kiện để các bị cáo nhận thức sâu sắc hơn về H vi đã thực hiện, nhằm Ph huy tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung trong xã hội như quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa;

[2.1] Về đồng phạm:

Đây là vụ án có đồng phạm, thuộc trường hợp giản đơn, các bị cáo đều là người thực H, không có sự câu kết, phân công, bàn bạc, phân chia L1 ích trong việc thực hiện tội phạm. Trong đồng phạm, bị cáo K giữ vai trò chính, trực tiếp mua ma túy về phân lẻ, cùng với bị cáo H và S bán lại cho những người nghiện,

trực tiếp hưởng L1 từ việc thực hiện tội phạm nên hình phạt áp dụng đối với bị cáo K có phần nặng hơn bị cáo H và S.

Đối với bị cáo H còn phải bị tổng hợp hình phạt 01(một) năm 06(sáu) tháng tù của bản án số 63/2017/HS-ST ngày 26/12/2017 của Tòa án nhân dân tH phố Châu Đốc theo quy định tại Điều 55, Điều 56 và khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự như quan điểm của Kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa;

[2.3] Xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo tH khẩn khai báo, tự thú về các H vi phạm tội đã thực hiện trước đó; riêng bị cáo K và S chưa có tiền án, tiền sự, mới phạm tội lần đầu và có thân nhân tốt. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên có xem xét áp dụng khi lượng hình, quyết định hình phạt đối với các bị cáo như quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa.

Về tình tiết “Người phạm tội tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong quá trình giải quyết vụ án” quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 bộ luật hình sự. Xét rằng các bị cáo chỉ khai báo tH khẩn về H vi phạm tội của mình trước đó, cũng như trong quá trình điều tra giải quyết vụ án, đã được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm r, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, việc tích cực khai báo của các bị cáo chỉ nằm trong phạm vi của vụ án, nên không có căn cứ áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự như đề nghị của Kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa.

[2.4] Hình phạt bổ sung:

Tại khoản 5 Điều 251 Bộ luật hình sự quy định: “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm H nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản*”. Nhận thấy, các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, thuộc tH phần lao động, xét không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[2.5] Biện pháp T1 pháp:

Trong quá trình điều tra, được thẩm tra tại phiên tòa bị cáo K thừa nhận đã mua ma túy của người tên Hùng ở tH phố Hồ Chí Minh tổng cộng 11 lần, mỗi lần bị cáo mua khoản 7.000.000đồng, khi bán hết trừ chi phí, bị cáo thu L1 được 3.000.000đồng/lần. Nên số tiền thu L1 là 33.000.000đồng; T1ong tự bị cáo H khai thu L1 từ việc bán ma túy được 8.000.000đồng(Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo K); ngoài lời khai của bị cáo K và H về số tiền thu L1 từ việc mua bán ma túy, thì không còn nguồn chứng cứ nào khác để xác định nên Hội đồng xét xử chấp nhận số tiền bị cáo K thu L1 từ việc phạm tội là 33.000.000đồng, bị cáo H là 8.000.000đồng như lời khai nhận của các bị cáo,

xét buộc bị cáo K và H có trách nhiệm giao nộp sung vào ngân sách Nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự.

[2.6] Xử lý vật chứng:

Đối với vật chứng là: hộp niêm phong số 451/KLGT-PC54 ngày 15/8/2018, bên ngoài có dấu tròn màu đỏ Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an TP Hồ Chí Minh và các chữ ký ghi tên Nguyễn Thị Mỹ Hà; Nguyễn Đăng Khoa; Ôn Văn Thuận bên trong có chứa lượng ma túy là vật cấm lưu H; chai nhựa hiệu sting màu trắng có nắp bằng nhựa màu đỏ, trên nắp chai có hai lỗ nhỏ, một lỗ được gắn ống thủy tinh, một lỗ được gắn ống hút nhựa bẻ cong màu trắng; túi sách màu vàng bên trong có 42(Bốn mươi hai) ống hút nhựa màu trắng; 02(hai) kéo cắt màu trắng; cây nhíp màu trắng; chai ga màu đen; quẹt ga đã qua sử dụng; ống thủy tinh; ống hút nhựa màu trắng, sọc trắng, một đầu cắt nhọn; nhận thấy không còn giá trị sử dụng, xét tịch thu tiêu hủy;

Đối với vật chứng là:

- Tiền Việt Nam tổng cộng 105.418.000(Một trăm lẻ năm triệu bốn trăm mười tám ngàn) đồng; Giấy nộp tiền số 051218.0N51.10 ngày 05 tháng 12 năm 2018; Qua điều tra và được thẩm tra tại phiên tòa, có đủ cơ sở xác định trong số tiền 105.418.000đồng, trong đó có 80.000.000đồng là của ông Võ Văn R có đủ cơ sở xác định là tiền thu nhập hợp pháp có được, xét trả lại cho ông Võ Văn R; Số tiền còn lại các bị cáo qua thẩm tra tại phiên tòa các bị cáo đều thừa nhận do mua bán trái phép chất ma túy mà có, lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với các nguồn chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án. Xét tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước;

- Đối với điện thoại di động màu xanh hiệu OPPO, kiểu R 1011, số imei 868572020323316; 868572020323308, mặt trước bị nứt, bể kính; điện thoại di động hiệu Samsung màu hồng, kiểu máy SMG532G/DS, số imei 359046/08/418794/7; 359047/08/418794/5 cùng sim điện thoại Vinaphone số 89840; 20001; 05594; 92285; điện thoại di động màu đen hiệu Iphone, cùng sim Vinaphone; điện thoại di động màu đen, hiệu Iphone, cùng sim Vinaphone; đây là tài sản của các bị cáo dùng để liên lạc nhau trong việc mua bán trái phép chất ma túy; Xét tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước;

- Đối với Xe mô tô hiệu MXKing màu xám vàng đen, biển số 67E1-315-38, số khung MH3UG0710JK214397, số máy G3E6E0357863; Xe mô tô hiệu Air Blade màu đen, biển số 65S1-1656, số khung 18087Y572913, số máy JF18E5072982; Xe mô tô hiệu Suzuki màu xanh, bình màu trắng, biển số 59S1-728.28, số khung F12CTH200139, số máy F122TH200139; quá trình điều tra và được thẩm tra tại phiên tòa, có đủ cơ sở xác định các chủ sở hữu không biết bị cáo sử dụng vào việc mua bán trái phép chất ma túy. Xét trả lại cho các chủ sở hữu; Nếu sau này có Ph sinh tranh chấp, tòa án sẽ thụ lý giải quyết bằng vụ án khác theo quy định pháp luật;

[2.7] Những vấn đề khác:

Đối với lời khai của bị cáo K về việc mua ma túy của người thanh niên tên Hùng, cơ quan cảnh sát điều tra đang tiếp tục xác minh, điều tra làm rõ nên không đề cập xem xét trong vụ án.

Đối với Bùi Hoàng G; Nguyễn Văn T; Nguyễn Thiên Đ1; Bùi Văn Th; Phan Tấn L1; Nguyễn Văn Ng; Quách Bé T1 có H vì mua ma túy để sử dụng, cơ quan điều tra đã đề nghị Công an tH phố Châu Đốc xử lý H chính là phù hợp nên không đề cập trong vụ án.

[3] Án phí: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 251; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54; Điều 17; Điều 50; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội;

Tuyên bố các bị cáo: Võ Thị Anh K; Lê Bảo H và Đỗ Vũ S phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”;

Xử phạt: Bị cáo Võ Thị Anh K 08(tám) năm tù

Thời hạn chấp H hình phạt của bị cáo K được tính kể từ ngày 16/10/2019 (Ngày mười sáu tháng mười năm hai nghìn không trăm mười chín).

Xử phạt: Bị cáo Lê Bảo H 07(bảy) năm 06(sáu) tháng tù về tội mua bán trái phép chất ma túy; Đồng thời áp dụng Điều 55, Điều 56 và khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự bị cáo phải chấp H hình phạt 01(một) năm 06(sáu) tháng tù về tội trộm cắp tái phạm tại bản án số 63/2017/HS-ST ngày 16/12/2017 của Tòa án nhân dân tH phố Châu Đốc

Tổng cộng hình phạt của bị cáo H là 09(chín) năm tù;

Thời hạn chấp H hình phạt của bị cáo H được tính kể từ ngày 16/10/2019(Ngày mười sáu tháng mười năm hai nghìn không trăm mười chín).

Xử phạt: bị cáo Đỗ Vũ S 07 (bảy) năm tù

Thời hạn chấp H hình phạt của bị cáo S được tính kể từ ngày 16/10/2019(Ngày mười sáu tháng mười năm hai nghìn không trăm mười chín).

Căn cứ vào Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

- Tịch thu tiêu hủy: hộp niêm phong số 451/KLGT-PC54 ngày 15/8/2018, bên ngoài có dấu tròn màu đỏ Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tH phố Châu Đốc và các chữ ký ghi tên Nguyễn Thị Mỹ Hà; Nguyễn Đăng Khoa; Ôn Văn Thuận bên trong có chứa lượng ma túy; chai nhựa hiệu sting màu trắng có nắp bằng nhựa màu đỏ, trên nắp chai có hai lỗ nhỏ, một lỗ được gắn ông thủy tinh, một lỗ được gắn ông huyết nhựa bề cong màu trắng; túi sách màu vàng bên trong có 42(Bốn mươi hai) ông huyết nhựa màu trắng bề cong; 02(hai) kéo cắt màu

trắng; cây nhíp màu trắng; chai ga màu đen; 04(bốn) quẹt ga đã qua sử dụng; ống thủy tinh; ống hút nhựa màu trắng, sọc trắng, một đầu cắt nhọn;

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 25.418.000 (Hai mươi lăm triệu bốn trăm mười tám ngàn đồng);

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước điện thoại di động màu xanh hiệu OPPO, kiểu R 1011, số imei 868572020323316; 868572020323308, mặt trước bị nứt, bể kính; điện thoại di động hiệu Samsung màu hồng, kiểu máy SMG532G/DS, số imei 359046/08/418794/7; 359047/08/418794/5 cùng sim điện thoại Vinaphone số 89840; 20001; 05594; 92285; điện thoại di động màu đen hiệu Iphone, cùng sim Vinaphone; điện thoại di động màu đen, hiệu Iphone, cùng sim Vinaphone; đây là tài sản của các bị cáo dùng để liên lạc nhau trong việc mua bán trái phép chất ma túy;

- Giao trả lại xe mô tô hiệu MXKling màu xám vàng đen, biển số 67E1-315-38, số khung MH3UG0710JK214397, số máy G3E6E0357863 cho ông Võ Văn R;

- Giao trả lại xe mô tô hiệu Air Blade màu đen, biển số 65S1-1656, số khung 18087Y572913, số máy JF18E5072982 cho ông Chu Hữu Đ;

- Giao trả lại xe mô tô hiệu Suzuki màu xanh, bình màu trắng, biển số 59S1- 728.28, số khung F12CTH200139, số máy F122TH200139 cho ông Phạm Văn Ngọc Sáng, nếu sau này có Ph sinh tranh chấp, tòa án sẽ thụ lý giải quyết bằng vụ án khác;

- Trả lại cho ông Võ Văn R số tiền 80.000.000(Tám mươi triệu đồng);

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 05 tháng 12 năm 2018 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tH phố Châu Đốc với Chi cục Thi H án dân sự Châu Đốc).

- Buộc bị cáo Võ Thị Anh K giao nộp số tiền 33.000.000 (Ba mươi ba triệu) đồng; bị cáo Lê Bảo H giao nộp số tiền 8.000.000(tám triệu đồng) là tiền thu L1 từ việc phạm tội để sung vào ngân sách Nhà nước.

Căn cứ Điều 135, 136 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Võ Thị Anh K; Lê Bảo H; Đỗ Vũ S, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi H án xong, hàng tháng bên phải thi H án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi H án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo; người có quyền L1, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của những người có quyền L1, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa là 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi H theo quy định tại Điều 2 Luật Thi H án dân sự thì người được thi H án dân sự, người phải thi H án dân sự có quyền thỏa thuận thi H án, quyền yêu cầu thi H án, tự nguyện thi H án hoặc bị cưỡng chế thi H án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi H án dân sự; thời hiệu thi H án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi H án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện KSND tH phố (2);
- Tòa án nhân dân tỉnh (1);
- Sở T1 pháp (1);
- Nhà Tạm giữ (2);
- Phòng hồ sơ (1);
- Chi cục THADS tH phố (1);
- Bộ phận THA Tòa án (1);
- UBND cấp xã nơi BC cư trú (1);
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền L1, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Đ